

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoà Minh; ông Nguyễn Văn Nho.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Thân Văn Danh- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **94/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020**, về “Tranh chấp ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXX-ST ngày **12 tháng 8 năm 2021**, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp PH, xã PhC, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông LU GU, sinh năm 1984; cư trú tại: Số 25, xã TTr, thôn BT, TVTh, huyện KX, tỉnh CT, Trung Quốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Bà và ông LU GU kết hôn vào ngày 08-11-2018, có ghi chú kết hôn do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng) cấp để chứng nhận cho việc đã đăng ký kết hôn tại Trung Quốc. Sau khi kết hôn, bà và ông LU GU chung sống khoảng 01 năm tại Trung Quốc. Có 01 con chung là cháu LU YU, sinh ngày 12/3/2019. Kể từ khi sinh con, bà C về Việt Nam sinh sống cho đến nay nhưng ông LU GU không về Việt Nam sinh sống cùng bà và con. Do thời gian chung sống ngắn, bất đồng về quan điểm. Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông LU GU.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim C xác định có 01 con chung là cháu LU YU, sinh ngày 12/3/2019. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông LU GU cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim C xác định không có.

Bị đơn – ông LU GU: Là người có quốc tịch Trung Quốc, Tòa án đã ủy thác tư pháp để thu thập lời khai, thông báo ngày mở phiên hòa giải, phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, ngày xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự Việt Nam nhưng ông LU GU vắng mặt không lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục phiên tòa dân sự. Trong quá trình tham gia tố tụng đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C, cho bà Nguyễn Thị Kim C ly hôn với ông LU GU; Giao cháu LU YU cho bà Nguyễn Thị Kim C nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Kim C không yêu cầu ông LU GU cấp dưỡng nuôi con LU YU.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Kim C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà C.

Ông LU GU đã được Tòa án ủy thác tư pháp, tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông LU GU.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C ly hôn với ông LU GU, thấy rằng:

Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim C với ông LU GU là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Kể từ khi sinh con, bà C về Việt Nam sinh sống cho đến nay nhưng ông LU GU không về Việt Nam sinh sống cùng bà C. Do thời gian chung sống ngắn, bất đồng về quan điểm. Nay, bà C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà C khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông LU GU. Việc yêu cầu ly hôn của bà C là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận cho bà C được ly hôn với ông LU GU.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim C xác định có 01 con chung là cháu LU YU, sinh ngày 12/3/2019. Bà C yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông LU GU cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, khi bà C có yêu cầu xin ly hôn, cháu LU YU mới 01 năm 06 tháng 18 ngày, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều

kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Kể từ khi sinh con cho đến nay, cháu LU YU sinh sống cùng mẹ là bà C tại Việt Nam, bà C có đủ điều kiện cũng như thời gian để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu LU YU từ đó đến nay; hiện tại cháu LU YU được đảm bảo quyền lợi về mọi mặt để phát triển. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu LU YU cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận bà C không yêu cầu ông LU GU cấp dưỡng nuôi con.

Đối với ông LU GU không trực tiếp nuôi con chung, nhưng có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản ông LU GU thực hiện quyền này theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, trong quá trình bà C nuôi dưỡng cháu LU YU, nếu ông LU GU phát hiện bà C chăm sóc, nuôi dạy con không tốt làm ảnh hưởng đến tương lai của con, thì ông LU GU có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác định không có nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, cho bà C ly hôn với ông LU GU; giao cháu LU YU cho bà Nguyễn Thị Kim C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng khác:

Bà C phải chịu 200.000 đồng tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định tại Điều 44 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà C là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 238, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27, Điều 44 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C đối với ông LU GU.
2. Cho bà Nguyễn Thị Kim C ly hôn với ông LU GU.
3. Về con chung, tài sản chung, nợ chung:

3.1. Về con chung: Giao cháu LU YU sinh ngày 12-3-2019 cho bà Nguyễn Thị Kim C được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận bà Nguyễn Thị Kim C không yêu cầu ông LU GU cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông LU GU.

3.2. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim C xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về chi phí tố tụng khác:

Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng chi phí ủy thác tư pháp, được trừ vào 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001469 ngày 19 tháng 11 năm 2020, của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0001456 ngày 16 tháng 11 năm 2020, của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, theo thời hạn như sau:

Bà Nguyễn Thị Kim C được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Ông LU GU được kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND. TTN;
- Cục THADS. TTN;
- Sở Tư pháp Tây Ninh;
- Phòng KTNV. TAT;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSST.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Tuấn